

PHỤ LỤC
DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH TÍNH GIẢN BIÊN CHẾ NĂM 2025
ĐỐI VỚI NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH CẤP XÃ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 154/2025/NĐ-CP
(Kèm theo Công văn số 52/UBND ngày 18/7/2025 của UBND xã Phước Giang)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Trình độ đào tạo	Chức vụ, chức danh/đơn vị bắt đầu tham gia công tác	Chức vụ, chức danh/đơn vị hiện đang đảm nhiệm	Mức phụ cấp hiện hưởng (theo NQ 30/2023/NQ-HPND (lần mức lương cơ sở/người /tháng)	Tiền lương tháng liền kề của chức danh CBCS cấp xã do sắp xếp ĐVHC cấp xã GD 2023 - 2025 trước khi được bố trí sang làm NHDKCT ở cấp xã (Nếu có)	Thời điểm bắt đầu tham gia công tác	Thời điểm nghỉ hưởng chế độ theo ND154	Thời gian công tác			Chính sách đề xuất được hưởng				Tổng dự toán kinh phí để thực hiện chính sách
		Nam	Nữ								Tổng cộng thời gian công tác	Tổng thời gian đảm nhiệm chức danh NHDKCT ở cấp xã	Tổng thời gian đảm nhiệm chức danh khác (CBCVCV...) có đóng BHXH bắt buộc nếu có	Điểm a Khoản 1, Điều 9	Điểm b Khoản 1, Điều 9	Điểm c Khoản 1, Điều 9	Khoản 3, Điều 9	
A	B	C	D	I	2	3	4	5	6	7	8=9+10	9	10	11	12	13	14	15
TỔNG CỘNG																		
XÃ PHƯỚC GIANG																		2.664.792.000
A	ĐỐI TƯỢNG CÓ DƯỚI 5 NĂM CÔNG TÁC																	
B	ĐỐI TƯỢNG CÓ TỪ ĐỦ 5 NĂM CÔNG TÁC TRỞ LÊN VÀ CÓ TUỔI ĐỜI CÒN DƯỚI 5 NĂM ĐẾN TUỔI NGHỈ HƯU: 01 ĐỐI TƯỢNG																	287.644.500
UBND xã Hành Minh (cũ): 01 đối tượng																		
1	Bùi Đình Anh	01/05/1966		Trung cấp hành chính	PCH BCHQS xã Hành Minh	Nguyên PCT Hội CCB xã Hành Minh	1,5	3.510.000	01/01/1991	01/07/2025	34 năm 6 tháng	34 năm 6 tháng			287.644.500			287.644.500
C	ĐỐI TƯỢNG CÓ TỪ ĐỦ 5 NĂM CÔNG TÁC TRỞ LÊN VÀ CÓ TUỔI ĐỜI CÒN TỪ ĐỦ 5 NĂM TRỞ LÊN ĐẾN TUỔI NGHỈ HƯU: 10 ĐỐI TƯỢNG																	2.377.147.500
I	UBND xã Hành Dũng (cũ): 01 đối tượng																	
1	Nguyễn Hoàng	29/10/1970		Trung cấp	GTTL, KN-TY, UBND xã H.Dũng	Nguyên CB GTTL- KN-TYCS xã H.Dũng	1,5	3.510.000	01/01/2018	01/07/2025	7 năm 6 tháng	7 năm 6 tháng				218.497.500		218.497.500
II UBND xã Hành Minh (cũ): 04 đối tượng																		
1	Nguyễn Thị Xy		10/06/1976	Đại học QLNN	Kế toán, UBND xã H.Minh	Nguyên CB GTTL, KN-TYCS xã Hành Minh	1,5	3.510.000	01/01/2006	01/07/2025	19 năm 6 tháng	8 năm	11 năm 6 tháng			271.147.500		271.147.500
2	Nguyễn Thị Uyên		12/06/1983	Đại học QLNN	Nội vụ - Thi đua - Công đoàn, UBND xã H.Minh	Nguyên PCT UBMT xã Hành Minh	1,5	3.510.000	04/05//2011	01/07/2025	14 năm 2 tháng	14 năm 2 tháng				255.352.500		255.352.500
3	Lê Thị Lệ Diễm		10/02/1989	Đại học QLNN	CT Hội Chữ thập đỏ xã Hành Minh	Nguyên PCT Hội Nông dân xã Hành Minh	1,5	3.510.000	03/11/2015	01/07/2025	10 năm	10 năm				210.600.000		210.600.000

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Trình độ đào tạo	Chức vụ, chức danh/đơn vị bắt đầu tham gia công tác	Chức vụ, chức danh/đơn vị hiện đang đảm nhiệm	Mức phụ cấp hiện hưởng (theo NQ 30/2023/NQ-ĐHND (lần mức lương cơ sở/người/tháng)	Tiền lương tháng liền kề của chức danh CBC cấp xã do sắp xếp ĐVHC cấp xã GD 2023 - 2025 trước khi được bố trí sang làm NHĐKCT ở cấp xã (Nếu có)	Thời điểm bắt đầu tham gia công tác	Thời điểm nghỉ hưởng chế độ theo ND154	Thời gian công tác			Chính sách đề xuất được hưởng				Tổng dự toán kinh phí để thực hiện chính sách
		Nam	Nữ								Tổng cộng thời gian công tác	Tổng thời gian đảm nhiệm chức danh NHĐKCT ở cấp xã	Tổng thời gian đảm nhiệm chức danh khác (CBCVCV...) có đóng BHXH bắt buộc nếu có	Điểm a Khoản 1, Điều 9	Điểm b Khoản 1, Điều 9	Điểm c Khoản 1, Điều 9	Khoản 3, Điều 9	
A	B	C	D	I	2	3	4	5	6	7	8=9+10	9	10	11	12	13	14	15
4	Trần Thị Mỹ Triều		29/9/1985	Trung cấp Kế toán	VP Đảng uỷ xã Hành Minh	Nguyễn VP Đảng uỷ xã Hành Minh	1,5	3.510.000	07/01/2012	01/07/2025	13 năm 6 tháng	13 năm 6 tháng				250.087.500		250.087.500
III	UBND xã Hành Nhân (cũ): 05 đối tượng																	
1	Võ Trung Kiên	01-01-1993			PCT Hội CCB xã Hành Nhân	Nguyên PCT Hội CCB xã Hành Nhân	1,5	3.510.000	06/03/2017	01/07/2025	8 năm 4 tháng	8 năm 4 tháng				223.762.500		223.762.500
2	Nguyễn Đăng Lượng	24/09/1989		Đại học	Cán bộ kế hoạch giao thông thủy lợi, UBND xã H.Nhân	Nguyên PCT UBMTTQ VN xã Hành Nhân	1,5	3.510.000	08/04/2011	01/07/2025	14 năm 2 tháng	14 năm 2 tháng				255.352.500		255.352.500
3	Nguyễn Huy Đức	20/04/1989		Đại học	PCT Hội nông dân xã Hành Nhân	Nguyên PCT Hội nông dân xã Hành Nhân	1,5	3.510.000	19/10/1917	01/07/2025	7 năm 8 tháng	7 năm 8 tháng				221.130.000		221.130.000
4	Trần Thị Ngọc Sang		01/01/1985	Cao Đẳng	TQ - VT lưu trữ, UBND xã H.Nhân	Nguyên Hội liên hiệp phụ nữ xã Hành Nhân	1,5	3.510.000	02/07/2012	01/07/2025	13 năm	13 năm				247.455.000		247.455.000
5	Đoàn Phú Việt Nam	09/04/1990		Đại học	Công chức Địa chính - Xây dựng	Nguyên CB Đài truyền thanh QLVN, UBND xã H.Nhân	1,5	3.510.000	10/02/2014	01/07/2025	8 năm 5 tháng	7 năm 6 tháng	11 tháng			223.762.500		223.762.500

(Bảng chữ: Hai tỷ sáu trăm chín mươi sáu triệu ba trăm tám mươi hai nghìn đồng).
Danh sách này có 11 đối tượng.

Lý do quyết định cho nghỉ (*)
16
Sắp xếp ĐVHC
Sắp xếp ĐVHC
Sắp xếp ĐVHC
Sắp xếp ĐVHC
Sắp xếp ĐVHC

Lý do quyết định cho nghỉ (*)
<i>16</i>
Sắp xếp ĐVHC
Sắp xếp ĐVHC
Sắp xếp ĐVHC
Sắp xếp ĐVHC
Sắp xếp ĐVHC
Sắp xếp ĐVHC; từ tháng 01/2015- 12/2017 không

PHỤ LỤC
DANH SÁCH VÀ KINH PHÍ CHI TRẢ CHO NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH CẤP XÃ NGHỈ
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 154/2025/NĐ-CP NĂM 2025 CỦA XÃ PHƯỚC GIANG
(Kèm theo Công văn số 531/UBND-KT ngày 26/9/2025 của UBND xã Phước Giang)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức vụ, chức danh/đơn vị bắt đầu tham gia công tác	Chức vụ, chức danh/đơn vị hiện đang đảm nhiệm	Mức phụ cấp hiện hưởng (theo NQ 30/2023/Q-HĐND (lần mức lương cơ sở/người/tháng)	Trong đó		Tiền lương tháng liền kề của chức danh CBCC cấp xã do sắp xếp ĐVHC cấp xã giai đoạn 2023-2025 trước khi được bố trí sang làm NHDKCT ở cấp xã (nếu có)	Thời điểm bắt đầu tham gia công tác	Thời điểm nghỉ hưởng chế độ theo ND 154	Thời gian công tác			Số năm nghỉ sớm so với tuổi nghỉ hưu	Kinh phí thực hiện chính sách (đồng)				Lý do tính gián biên chế
							Mức phụ cấp theo mức khoán của Trung ương	Mức phụ cấp do tỉnh hỗ trợ				Tổng cộng thời gian công tác	Tổng thời gian đảm nhận chức danh NHDKC T ở cấp xã	Tổng thời gian đảm nhận chức danh khác (Có đóng BHXH bắt buộc) nếu có		Tổng cộng	Trợ cấp một lần	Trợ cấp cho mỗi năm công tác	Trợ cấp tìm việc làm	
1	2	3	4	5	6	7=8+9	8	9	10	11	12	13=14+15	14	15	16	17=18+19+20	18	19	20	21
	Xã Phước Giang															473.850.000	336.960.000	115.830.000	21.060.000	
1	Nguyễn Thị Lệ	20/4/1985	Đại học	Nội vụ - Thi đua - Công đoàn	KCT tạm thời hỗ trợ công việc tại Văn phòng HĐND&UBND xã Phước Giang	2,34	1,5	0,84		12-02-2014	01/9/2025	11 năm 6 tháng	11 năm 6 tháng		19 năm 8 tháng	239.557.500	168.480.000	60.547.500	10.530.000	Nghỉ do dôi dư khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp
2	Ngô Thị Lệ Huyền	25/11/1983	Trung cấp	Phó Chủ nhiệm UBKT Đảng	KCT tạm thời hỗ trợ công việc tại Phòng Văn hóa - Xã hội xã Phước Giang	2,34	1,5	0,84		01/7/2015	01/9/2025	10 năm 2 tháng	10 năm 2 tháng		18 năm 3 tháng	234.292.500	168.480.000	55.282.500	10.530.000	Nghỉ do dôi dư khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp

Bằng chữ: bốn trăm bảy mươi ba triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng.
Danh sách này có 02 đối tượng.